

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/DS-ST

Ngày: 12-8-2026

“V/v chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Nam

Ông Nguyễn Anh Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị K Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Tĩnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thương - Kiểm sát viên

Trong các ngày 07 và 12 tháng 8 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Đình T, sinh năm 1969; Địa chỉ; Tổ dân phố Tam H, phường Hải N, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đình M, sinh năm 2000; Địa chỉ: Tổ dân phố Hưng B, phường Sông T, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Đình H, sinh năm 1997; Nơi thường trú: Tổ dân phố Tam H, phường Hải N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang sinh sống, làm việc tại Hàn Quốc (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Đình H, sinh năm 1956; Địa chỉ: Tổ dân phố Tam H, phường Hải N, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

+ Bà Trần Thị T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ dân phố Tam H, phường Hải N, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

+ Ông Trần Đình T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ dân phố Tam H, phường Hải N, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

+ Ông Trần Đình K, sinh năm 2000; Nơi thường trú: Tổ dân phố Tam H, phường Hải N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang sinh sống làm việc tại Hàn Quốc (Vắng mặt)

+ Anh Trần Đình C, sinh năm 2009; Địa chỉ: Tổ dân phố Tam H, phường Hải N, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

+ Cháu Trần Thị Hải H, sinh năm 2012; Địa chỉ: Tổ dân phố Tam H, phường Hải N, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của Trần Đình C bà Trần Thị Hải H: Bà Lê Thị V, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ dân phố Tam H, phường Hải N, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Đình H, bà Trần Thị T, ông Trần Đình T, bà Lê Thị V: Ông Trần Ngọc B, sinh năm 2002; Địa chỉ: Tổ dân phố Bắc H, phường Hải N, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

+ Bà Trần Thị T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ dân phố Tam H, phường Hải N, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, vụ án có nội dung: Cha ông Trần Đình T là ông Trần Đình H, sinh năm 1932, mất năm 2025 và mẹ là bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1931, mất năm 2018. Ông H và bà Đ sinh được 05 người con gồm: Ông Trần Đình H (con), bà Trần Thị T, ông Trần Đình T, ông Trần Đình T (là nguyên đơn) và ông Trần Đình T (Ông Tuyên mất năm 2013, có vợ bà Lê Thị V và 04 người con gồm Trần Đình H, Trần Đình K, Trần Đình C và Trần Thị Hải H).

Sinh thời ông Trần Đình H và bà Hoàng Thị Đ tạo lập được thửa đất số: 25, tờ bản đồ số: 57; địa chỉ: thôn Tam H, xã Kỳ N, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Tam H, phường Hải N, tỉnh Hà Tĩnh), diện tích 1.707,7m²; Mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 1.202m², đất trồng cây lâu năm 505,7m², được UBND thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSD đất) số: DE 263635 sổ vào sổ cấp GCN: CH 02087 ngày 28/02/2022 mang tên ông Trần Đình H.

Ông H và bà Đ chết không để lại di chúc. Từ trước đến nay vợ chồng ông Trần Đình T ở cùng với cha mẹ. Sau khi cha mẹ chết, các con của ông H thống giao thửa đất cho vợ chồng ông T quản lý, sử dụng. Tuy nhiên ông Trần Đình H là hàng thừa kế thế vị (ông H là cháu của vợ chồng ông H và bà Đ) không đồng ý giao di sản cho vợ chồng ông T sử dụng, cũng chưa thống nhất phương án phân chia dẫn đến tranh chấp chưa giải quyết dứt điểm. Sau đó ông Trần Đình H đi lao động tại Hàn Quốc, không phối hợp để phân chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Trên thửa đất của cha mẹ để lại hiện có một nhà thờ do các đồng thừa kế thống nhất xây trên để làm nơi thờ cúng ông bà cha mẹ, khuôn viên nhà thờ có diện tích 160m²; 01 ngôi nhà do vợ chồng ông Trần Đình T xây dựng năm 2002 và ở từ đó đến nay; 01 ngôi nhà do cha mẹ ông T khi còn sống xây dựng để ở và sau khi ông bà mất thì ông T quản lý, sử dụng. Nguyên đơn ở trên thửa đất từ trước đến nay, thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác về quyền sử dụng đất. Nay nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cha mẹ để lại là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 57, địa chỉ: Thôn Tam H, xã Hải N, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh, được UBND thị xã Kỳ Anh cấp Giấy CNQSD đất ngày 28/02/2022 mang tên Trần Đình H và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (trừ ngôi nhà do vợ chồng ông xây dựng không tính vào trị giá để chia thừa kế). Ông đồng ý việc tách diện tích đất 160m² đất ở đã xây nhà thờ để là nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ và giao cho ông đứng tên trên Giấy

CNQSD đất như sinh thời cha và các anh chị em đã thống nhất.

Đối với phần di sản anh Trần Đình H và anh Trần Đình K được hưởng, mặc dù anh H và anh K có ý kiến tặng cho phần phần sản được hưởng cho nguyên đơn quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, hiện nay anh H và anh K đang đi lao động tại nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể cũng không có mặt để giải quyết vụ án nên nguyên đơn đề nghị Toà án phân chia di sản của ông H và bà Đ cho anh H và anh K để đảm bảo quyền lợi cho các anh. Vì tài sản trên đất hiện nay là một khối thống nhất, gia đình nguyên đơn đang sử dụng ổn định nên nguyên đơn có nguyện vọng chia cho anh H và anh K bằng trị giá quyền sử dụng đất, đối với số tiền các anh được hưởng ông sẽ có trách nhiệm quản lý và bàn giao lại khi các anh có yêu cầu.

Ý kiến của bị đơn anh Trần Đình H: Hiện nay anh H đang lao động làm việc tại Hàn Quốc, địa chỉ cư trú của anh H thường xuyên thay đổi nên không thể cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án và không thể trực tiếp về Việt Nam hoặc đến Đại sứ quán để xác nhận văn bản. Tuy nhiên anh cung cấp cho Tòa án văn bản viết tay gửi về theo đường bưu điện và liên lạc thông qua gọi video, anh H trình bày ý kiến như sau:

Anh đã được gia đình thông báo về việc Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Tĩnh đang thụ lý vụ án, đồng ý việc xác định anh là bị đơn trong vụ án này. Anh là con của ông Trần Đình T (ông T là con của ông Trần Đình H và bà Hoàng Thị Đ). Anh thống nhất với nguồn gốc di sản mà ông Trần Đình T yêu cầu chia thừa kế, sau khi ông bà mất các thành viên trong gia đình có bàn bạc giao lại cho vợ chồng ông Trần Đình T quản lý, sử dụng, nhưng lúc đó anh không đồng ý và anh cũng chưa có phương án thống nhất với các hàng thừa kế khác, sau một thời gian thì anh đi làm việc tại Hàn Quốc nên di sản của ông bà chưa phân chia được. Hiện nay do điều kiện công việc không thể về giải quyết được nên anh có nguyện vọng nhường phần di sản được hưởng cho bác là ông Trần Đình T toàn quyền quản lý, sử dụng mà không yêu cầu bồi thường gì. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình H: Ông Trần Đình H (con) là con đẻ của ông Trần Đình H (cha) và bà Hoàng Thị Đ. Ông H thống nhất về nguồn gốc di sản thừa kế như ông Trần Đình T trình bày. Ông đồng ý việc tách diện tích đất 160m² đất ở đã xây nhà thờ để là nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ và giao cho ông Trần Đình T đứng tên trên Giấy CNQSD đất. Đối với tài sản trên đất là ngôi nhà do vợ chồng ông T xây dựng thì không yêu cầu phân chia. Nay ông Trần Đình H tự nguyện tặng cho toàn bộ phần di sản thừa kế được hưởng từ cha mẹ cho ông Trần Đình T toàn quyền quản lý, sử dụng mà không yêu cầu bồi thường gì.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình T: Ông Tùng là anh trai ruột của ông Trần Đình T. Ông thống nhất về nguồn gốc di sản thừa kế như ông Trần Đình T trình bày. Ông đồng ý việc tách diện tích đất 160m² đất ở đã xây nhà thờ để là nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ và giao cho ông Trần Đình T đứng tên trên Giấy CNQSD đất. Nay ông tự nguyện tặng cho toàn bộ phần thừa kế được hưởng từ cha mẹ cho ông Trần Đình T toàn quyền quản lý, sử dụng mà không yêu cầu bồi thường gì.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T: Bà Tuấn là chị gái ruột của ông Trần Đình T. Bà thống nhất về nguồn gốc tài sản thừa kế như ông Trần Đình T trình bày. Bà đồng ý việc tách diện tích đất 160m² đất ở đã xây nhà thờ để là nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ và giao cho ông Trần Đình T đứng tên trên Giấy CNQSD đất đối với phần đất có nhà thờ. Nay bà tự nguyện tặng cho toàn bộ phần thừa kế được hưởng từ cha mẹ cho ông Trần Đình T toàn quyền quản lý, sử dụng mà không yêu cầu bồi thường gì.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Đình K: Hiện nay anh K đang lao động làm việc tại Hàn Quốc, địa chỉ cư trú của anh K thường xuyên thay đổi nên không thể cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án và không thể trực tiếp về Việt Nam hoặc đến Đại sứ quán để xác nhận văn bản. Tuy nhiên anh cung cấp cho Tòa án văn bản viết tay gửi theo đường bưu điện và liên lạc thông qua gọi video anh K trình bày ý kiến như sau:

Anh K đã được gia đình thông báo về việc Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Tĩnh đang thụ lý vụ án. Anh là con của ông Trần Đình T (ông T là con của ông Trần Đình H và bà Hoàng Thị Đ). Anh thống nhất với nguồn gốc di sản thừa kế mà ông Trần Đình T yêu cầu chia thừa kế. Phần di sản của anh K được hưởng của ông bà, anh K tự nguyện tặng cho ông Trần Đình T toàn quyền quản lý, sử dụng mà không yêu cầu bồi thường gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Trần Thị Hải H: Cháu Huyền là cháu ruột của ông Trần Đình H và bà Hoàng Thị Đ. Cháu thống nhất về nguồn gốc di sản thừa kế của ông bà nội như ông Trần Đình T trình bày. Trước khi đưa vụ án ra xét xử, cháu Huyền có ý kiến tự nguyện tặng cho toàn bộ phần di sản được hưởng từ ông bà nội cho ông Trần Đình T quản lý, sử dụng mà không yêu cầu bồi thường gì. Tuy nhiên, sau khi đưa vụ án ra xét xử cháu Huyền có đơn trình bày đề nghị Tòa án phân chia phần di của ông bà để lại cho cháu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Trần Đình C: Cháu C là cháu ruột của ông Trần Đình H và bà Hoàng Thị Đ. Cháu thống nhất về nguồn gốc di sản thừa kế của ông bà nội như ông Trần Đình T trình bày. Trước khi đưa vụ án ra xét xử, cháu C có ý kiến tự nguyện tặng cho toàn bộ phần di sản được hưởng từ ông bà nội cho ông Trần Đình T quản lý, sử dụng mà không yêu cầu bồi thường gì. Tuy nhiên, sau khi đưa vụ án ra xét xử cháu C có đơn trình bày đề nghị Tòa án phân chia phần di của ông bà để lại cho cháu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người đại diện theo pháp luật của anh Trần Đình C, cháu Trần Thị Hải H là bà Lê Thị V: Bà Vân kết hôn với ông Trần Đình T là con của ông Trần Đình H (cha) và bà Hoàng Thị Đ, năm 2013 ông Tuyền mất; vợ chồng bà có 04 người con là Trần Đình H, Trần Đình K, Trần Đình C và Trần Thị Hải H. Bà thống nhất nguồn di sản ông bà để lại như ý yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình T. Sau khi ông H và bà Đ chết hàng thừa kế thứ nhất của ông bà đã họp bàn để phân chia di sản theo hướng giao cho vợ chồng ông T toàn quyền quản lý, sử dụng. Tuy nhiên có con Trần Đình H chưa thống nhất nên việc định đoạt di sản

chưa thực hiện được. Sau đó anh H đi làm việc tại Hàn Quốc nên dẫn đến việc ông Trần Đình T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Sau khi vụ án được thụ lý và xác định anh H là bị đơn và anh K là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì các con có liên lạc về với bà Vân thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T, các con có nhờ truyền đạt ý kiến là sau khi suy nghĩ lại thì có nguyện vọng tặng cho phần di sản mình được hưởng cho ông T quản lý, sử dụng mà không yêu cầu bồi thường gì nếu pháp luật cho phép.

Dựa trên ý kiến và nguyện vọng của cháu Trần Đình C và cháu Trần Thị Hải H. Với tư cách là người đại diện theo pháp luật cho hai cháu, bà Vân đồng ý việc tách diện tích đất 160m² đã xây nhà thờ để là nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ và giao cho ông Trần Đình T đứng tên trên giấy CNQSD đất đối với phần đất có nhà thờ vì thực tế khi xây dựng nhà thờ ông Trần Đình H còn sống và mọi người đã thống nhất làm nhà thờ. Bà tôn trọng ý kiến của hai cháu là nhận phần di sản được hưởng của ông bà theo quy định của pháp luật và đề nghị được chia bằng trị giá tiền, bà cam kết sẽ quản lý phần di sản của hai cháu để khi các cháu đủ tuổi theo quy định của pháp luật sẽ bàn giao cho các cháu.

Ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Đình H, bà Trần Thị T, ông Trần Đình T, bà Lê Thị V là ông Trần Ngọc B: Ông Trần Ngọc B thống nhất với các ý kiến trình bày của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, thống nhất tách phần diện tích đất 160m² có nhà thờ để làm nơi thờ cúng mà không đưa vào chia thừa kế. Đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T: Bà Tiến là vợ của nguyên đơn ông Trần Đình T. Năm 2001, sau khi dọn về ở chung với bố mẹ chồng là ông Trần Đình H và bà Hoàng Thị Đ vợ chồng ông T đã xây dựng căn nhà rộng khoảng 70m² trên thửa đất của bố mẹ. Căn nhà trên là do công sức, vốn liếng của vợ chồng bỏ ra để xây và sử dụng ổn định từ đó đến nay. Khi về ở chung, ông Trần Đình H và bà Hoàng Thị Đ tuổi cao sức yếu, vợ chồng bà Tiến đã nuôi dưỡng và chăm sóc ông bà từ đó cho đến khi mất; quá trình sử dụng đất ông bà là người thực hiện các nghĩa vụ tài chính là cải tạo làm tăng giá trị của thửa đất nên đề nghị Toà án xem xét công sức cho vợ chồng bà khi phân chia di sản thừa kế, đồng thời bà thống nhất để ông T toàn quyền quyết định mọi vấn đề trong việc giải quyết vụ án. Bà đồng ý việc tách diện tích đất 160m² đã xây nhà thờ để là nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ và giao cho ông Trần Đình T đứng tên trên giấy CNQSD đất.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Tĩnh tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tranh tụng đã tuân theo đúng quy định của phiên tòa dân sự sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có người đại diện theo ủy quyền tham gia nên giải quyết vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đảm bảo theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố

tụng dân sự. Tòa án xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự; đã tiến hành tổng đạt, thu thập tài liệu, chứng cứ đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 136, 141, 147, 149, 227, 228, 271, 273, 157, 464, 469, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652 và Điều 660 Bộ luật dân sự; Điều 37, Điều 133 và 220 Luật Đất đai năm 2024; Luật trẻ em; Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 13 Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đình T về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của Trần Đình H và bà Hoàng Thị Đ để lại là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 57; địa chỉ: thôn Tam H, xã Kỳ N, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Tam H, phường Hải N, tỉnh Hà Tĩnh), diện tích 1.707,7m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 1.202m², đất trồng cây lâu năm 505,7m², được UBND thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSD đất) số: DE 263635 số vào sổ cấp GCN: CH 02087 ngày 28/02/2022 mang tên ông Trần Đình H và căn nhà diện tích 30,2 m² do ông Trần Đình H, bà Hoàng Thị Đ tạo lập, trị giá 20.764.000 đồng.

2. Giao phần đất có diện tích 160m², trong đó: đất ở 140m², đất trồng cây lâu năm 20m², thuộc thửa đất số: 25, tờ bản đồ số: 57; địa chỉ: thôn Tam H, xã Kỳ N, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Tam H, phường Hải N, tỉnh Hà Tĩnh) đã xây dựng nhà thờ cho những người được hưởng thừa kế của ông Trần Đình H và bà Hoàng Thị Đ nêu trên do ông Trần Đình T làm đại diện đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tứ cận cụ thể như sau: Phía Bắc giáp phần đất ông Trần Đình T quản lý sử dụng.

Xác định căn nhà diện tích 67,6 m², trị giá 52.855.000 đồng do vợ chồng ông Trần Đình T, bà Trần Thị T xây dựng là tài sản của vợ chồng ông T, bà Tiến, không thuộc di sản thừa kế.

3. Phần di sản của ông Trần Đình H và bà Hoàng Thị Đ phân chia thừa kế gồm: 1.547,7 m² đất (trong đó 1.062 m² đất ở, giá trị 3.186.000.000 đồng và 485,7m² đất trồng cây lâu năm, giá trị 29.627.700 đồng) và căn nhà diện tích 30,2 m² do ông Trần Đình H, bà Hoàng Thị Đ tạo lập, giá trị 20.764.000 đồng, tổng giá trị di sản là 3.236.391.700 đồng, được phân chia thành 5,5 phần:

Ông Trần Đình T được hưởng 01 phần thừa kế và 0,5 phần công sức, tổng ông T được hưởng 1,5 phần có diện tích là 422,1m² và 5.662.909 đồng, tổng giá trị 882.652.281 đồng; ông Trần Đình H, bà Trần Thị T, ông Trần Đình T mỗi

người được hưởng 01 phần có diện tích 281,4m² và 3.775.272 đồng, tổng giá trị là 588.434.854 đồng.

Anh Trần Đình H, anh Trần Đình K, anh Trần Đình C và cháu Trần Thị Hải H (các con của ông Trần Đình T đã chết) được hưởng 01 phần, tương đương mỗi người được hưởng có diện tích là 70,35m², trong đó đất ở là 48,27m², đất trồng cây lâu năm là 22,08m² và 943.818 đồng, tổng giá trị là 147.108.713 đồng.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Đình H, bà Trần Thị T và ông Trần Đình T tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông Trần Đình T.

Tạm giao phần di sản của bị đơn anh Trần Đình H được chia giá trị bằng tiền 147.108.713 đồng và tạm giao phần di sản của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Đình K được chia giá trị bằng tiền 147.108.713 đồng cho nguyên đơn ông Trần Đình T quản lý để sau này họ được hưởng theo pháp luật khi có yêu cầu.

Tạm giao cho bà Lê Thị V (là người đại diện theo pháp luật) quản lý phần di sản được chia bằng tiền của anh Trần Đình C là 147.108.713 đồng và của cháu Trần Thị Hải H là 147.108.713 đồng. Bà Lê Thị V có trách nhiệm quản lý số tiền nêu trên và bàn giao lại toàn bộ cho anh Trần Đình C, cháu Trần Thị Hải H khi từng người đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật.

5. Giao cho ông Trần Đình T quản lý, sử dụng tổng diện tích đất ông Trần Đình T được chia; được ông Trần Đình H, bà Trần Thị T, ông Trần Đình T tặng cho; được quản lý sử dụng từ việc thanh toán bằng trị giá cho anh Trần Đình H, anh Trần Đình K, anh Trần Đình C và cháu Trần Thị Hải H là: 1.547,7 m² đất (trong đó 1.062 m² đất ở và 485,7 m² đất trồng cây lâu năm), tổng giá trị di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 3.236.391.700 đồng (Ba tỷ hai trăm ba sáu triệu ba trăm chín một nghìn bảy trăm đồng).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Đình T được hưởng 01 kỷ phần thừa kế, được thanh toán công sức quản lý, bảo quản, tôn tạo di sản bằng 1/2 kỷ phần và được ông Trần Đình H, bà Trần Thị T, ông Trần Đình T tặng cho 03 kỷ phần thừa kế, tổng giá trị tài sản được hưởng 2.647.956.843 đồng, nên phải chịu 84.959.136 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Anh Trần Đình H, anh Trần Đình K và anh Trần Đình C mỗi người được hưởng phần di sản trị giá 147.108.713 đồng, nên mỗi người phải chịu 7.355.435 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Đình T nộp thay án phí cho anh H, anh K và anh C, tổng số tiền 22.066.305 đồng.

Cháu Trần Thị Hải H được hưởng phần di sản trị giá 147.108.713 đồng, nhưng thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn đề nghị miễn nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cháu Huyền theo quy định.

Như vậy, tổng số tiền án phí ông Trần Đình T phải nộp và tự nguyện nộp thay là 107.025.441 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, ông Trần Đình T còn phải nộp 106.725.441 đồng.

7. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Đình T chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản 5.000.000 đồng và chi

phí đăng tải thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 3.000.000 đồng; ông T đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Ông Trần Đình T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Hoàng Thị Đ và ông Trần Đình H để lại, di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có địa chỉ: Thôn Tam H, xã Kỳ N, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Tam H, phường Hải N, tỉnh Hà Tĩnh) và bị đơn ông Trần Đình H có nơi thường trú: Tổ dân phố Tam H, phường Hải N, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có người đại diện theo uỷ quyền; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình K, bà Trần Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về nguồn gốc di sản thừa kế: Thừa đất số 25, tờ bản đồ số 57, địa chỉ: Thôn Tam H, xã Hải N, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Tam H, phường Hải N, tỉnh Hà Tĩnh), diện tích 1.707,7m², hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 1.202m², đất trồng cây lâu năm 505,7m², được UBND thị xã Kỳ Anh cấp Giấy CNQSD đất số DE 263635 số vào sổ cấp GCN: CH 02087 ngày 28/02/2022 mang tên Trần Đình H. Các đương sự đều thống nhất thừa nhận đây là di sản của ông Trần Đình H và bà Hoàng Thị Đ để lại chưa được phân chia thừa kế.

[2.2] Về hàng thừa kế: Hàng thừa kế của bà Hoàng Thị Đ và ông Trần Đình H gồm 05 người con là: ông Trần Đình H (con), bà Trần Thị T, ông Trần Đình T, ông Trần Đình T và ông Trần Đình T.

Ông Trần Đình T chết năm 2013, trước thời điểm mở thừa kế của cả cha và mẹ nên các con của ông Tuyên là anh Trần Đình H, anh **Trần Đình K**, anh Trần Đình C và cháu Trần Thị Hải H được hưởng thừa kế thế vị theo Điều 652 Bộ luật dân sự.

[2.3] Về công sức quản lý, gìn giữ, bảo quản và tôn tạo di sản của ông Trần Đình T: Theo trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án phản ánh từ năm 2001 ông Trần Đình T cùng vợ sinh sống với ông Trần Đình H và bà Hoàng Thị Đ trên thửa đất số 25, tờ bản đồ số 57 nêu trên; ông T là người trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng, cùng gia đình bảo quản nhà cửa, đất đai và các tài sản khác gắn liền với đất. Sau khi bà Hoàng Thị Đ và ông Trần Đình H chết, ông T là người trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ di sản, thực hiện việc thờ cúng tổ tiên, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất. Mặt khác, các đương sự đều thừa nhận công sức tôn tạo, bảo quản di sản của ông Trần Đình T từ trước đến nay và đề nghị trích công sức giữ gìn, tôn tạo cho ông. Vì vậy, xét thời gian quản lý, mức độ đóng góp thực tế và yêu cầu bảo đảm hài hòa quyền lợi của

các đồng thừa kế, cần trích công sức quản lý, gìn giữ di sản cho ông Trần Đình T tương đương 1/2 kỹ phần một suất thừa kế hàng thứ nhất.

Đối với căn nhà có diện tích khoảng 70m² của vợ chồng nguyên đơn xây dựng và sử dụng ở riêng từ năm 2001 đến nay, phần tài sản này là tài sản riêng của vợ chồng ông Trần Đình T và bà Trần Thị T sẽ không tính vào trị giá chia thừa kế.

[2.4] Về phân chia di sản thừa kế:

Trên thửa đất ông Trần Đình H và bà Hoàng Thị Đ để lại có một nhà thờ được xây vào năm 2018, được sự cho phép của ông Trần Đình H (cha) các thành viên gia đình đã đóng góp xây dựng nhà thờ làm nơi thờ cúng chung. Các đương sự thống nhất tách phần diện tích đất 160m² có nhà thờ (trong đó 140m² đất ở, 20m² đất trồng cây lâu năm) để làm nơi thờ cúng. Xét thực trạng đang sử dụng, nguyện vọng của con cháu trong việc thờ cúng phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp đạo đức xã hội. Do đó có căn cứ tách diện tích 160m² làm nơi thờ cúng mà không chia thừa kế. Các đương sự thống nhất giao cho ông Trần Đình T đại diện đứng tên trong Giấy CNQSD đất nên cần chấp nhận. Phần diện tích đất có nhà thờ sẽ được trừ ra từ tổng diện tích của thửa đất, sau đó diện tích còn lại sẽ được phân chia, cụ thể: $1.707,7\text{m}^2 - 160\text{m}^2 = 1.547,7\text{m}^2$ (trong đó 1.062 m² đất ở và 485,7m² đất trồng cây lâu năm)

Di sản được phân chia là 1.547,7 m² đất (trong đó 1.062 m² đất ở và 485,7 m² đất trồng cây lâu năm), theo kết quả định giá 01m² đất ở có trị giá 3.000.000 đồng (tổng trị giá đất ở là 1.062 m² x 3.000.000 đồng = 3.186.000.000 đồng), 01m² đất trồng cây lâu năm có trị giá 61.000 đồng (tổng trị giá đất trồng cây lâu năm là 485,7m² x 61.000 đồng = 29.627.700 đồng) và theo kết quả định giá căn nhà có diện tích 30,2 m² của ông H và bà Đ để lại có giá trị còn lại 20.764.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 3.236.391.700 đồng. Khối di sản được chia thành 5,5 phần, trong đó ông Trần Đình T được hưởng 1,5 phần; ông Trần Đình H, bà Trần Thị T, ông Trần Đình T mỗi người được hưởng 01 phần và các con của ông Trần Đình T được hưởng 01 phần. Như vậy, 01 phần thừa kế có diện tích là: $1.547,7\text{m}^2 : 5,5 = 281,4\text{m}^2$, trong đó đất ở là 193,09 m², đất trồng cây lâu năm là 88,3m², mỗi phần có trị giá là 588.434.854 đồng. Công sức tôn tạo bảo quản di sản của ông Trần Đình T bằng 1/2 suất thừa kế có diện tích 140,7m², tương đương trị giá 294.217.427 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình H, bà Trần Thị T, ông Trần Đình T tự nguyện tặng cho toàn bộ phần di sản được hưởng cho ông Trần Đình T toàn quyền quản lý, sử dụng mà không yêu cầu bồi thường gì. Như vậy phần diện di sản ông Trần Đình T được chia, được tặng cho và được trích công sức tôn tạo, bảo quản là: $281,4\text{m}^2 + 281,4\text{m}^2 + 281,4\text{m}^2 + 281,4\text{m}^2 + 140,7\text{m}^2 = 1.266,3\text{m}^2$, có trị giá 2.647.956.843 đồng.

Ông Trần Đình T đã chết nên các con là anh Trần Đình H, anh Trần Đình K, anh Trần Đình C và cháu Trần Thị Hải H được hưởng 01 suất thừa kế có diện tích 281,4m², có trị giá 588.434.854 đồng. 01 suất thừa kế được chia đều cho 04 người, mỗi người được hưởng là 70,35m², trong đó đất ở là 48,27m², đất trồng cây lâu năm là 22,08m², có trị giá 147.108.713 đồng.

Xét thấy, đối với phần thừa kế của anh Trần Đình H, anh Trần Đình K, anh Trần Đình C và cháu Trần Thị Hải H, mỗi người được chia 70,35m², trong đó đất ở là 48,27m², đất trồng cây lâu năm là 22,08m² không đủ diện tích đất ở tối thiểu (50m²) khi tách thửa tại vị trí di sản nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế. Do đó việc chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất không đủ điều kiện tách thửa cấp Giấy CNQSD đất. Mặt khác, cháu Huyền và anh C cũng như người đại diện theo pháp luật đồng ý với việc chia bằng tiền; anh Trần Đình H và anh Trần Đình K có ý kiến tự nguyện tặng cho phần di sản được hưởng cho ông Trần Đình T quản lý, sử dụng, tuy nhiên các tài liệu cung cấp chưa đủ căn cứ để ghi nhận theo quy định của pháp luật, đồng thời nguyên đơn ông Trần Đình T cũng có nguyện vọng chia di sản của ông bà cho các cháu để đảm bảo quyền lợi của các cháu. Như vậy cần phân chia di sản của ông H và bà Đ cho anh Trần Đình H, anh Trần Đình K, anh Trần Đình C và cháu Trần Thị Hải H bằng trị giá. Phần trị giá tài sản của anh Trần Đình K và anh Trần Đình H được tạm giao cho ông Trần Đình T quản lý để khi anh K và anh H có yêu cầu sẽ được thực hiện theo quy định; Phần di sản của cháu Huyền và anh C tạm giao cho bà Lê Thị V quản lý để bàn giao lại khi các cháu đủ tuổi theo quy định. Đồng thời ông Trần Đình T được toàn quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất được chia, được các đương sự các tặng và hoàn trả trị giá bằng tiền cho người được nhận nêu trên. Tổng diện tích đất ông Trần Đình T được quản lý sử dụng là: 1.547,7 m² đất (trong đó 1.062 m² đất ở và 485,7 m² đất trồng cây lâu năm).

Từ những phân tích, nhận định nêu trên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đình T về việc phân chia di sản thừa kế của ông Trần Đình H và bà Hoàng Thị Đ để lại.

[3] Về án phí: Ông Trần Đình T được chia và được các đương sự khác tặng cho có tổng trị giá tài là 2.647.956.843 nên phải chịu án phí có giá ngạch với số tiền là 84.959.136 đồng.

Anh Trần Đình H, anh Trần Đình K và anh Trần Đình C mỗi người được hưởng di sản với số tiền 147.108.713 đồng nên mỗi người phải chịu 7.355.435 đồng án phí. Tuy nhiên ông Trần Đình T tự nguyện nộp thay án phí cho anh H, anh K và anh C nên cần ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc nộp thay tổng số tiền 22.066.305 đồng.

Tổng số tiền án phí nguyên đơn phải chịu là 107.025.441 đồng, khấu trừ cho nguyên đơn vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Cháu Trần Thị Hải H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần trị giá tài sản được chia 147.108.713 đồng, nhưng cháu Huyền thuộc đối tượng trẻ em và đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí cho cháu Trần Thị Hải H.

[4] Về lệ phí và chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc chịu toàn bộ chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản hết số tiền 5.000.000đồng và lệ phí đăng báo VOV hết số tiền 3.000.000đồng, nguyên đơn đã nộp đủ.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 149, Điều 157, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 464, Điều 469, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652 và Điều 660 Bộ luật dân sự; Điều 37, Điều 133 và 220 Luật Đất đai năm 2024; Luật trẻ em; Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

T xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đình T về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của Trần Đình H và bà Hoàng Thị Đ để lại là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 57; địa chỉ: thôn Tam H, xã Kỳ N, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Tam H, phường Hải N, tỉnh Hà Tĩnh), diện tích 1.707,7m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 1.202m², đất trồng cây lâu năm 505,7m², được UBND thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSD đất) số: DE 263635 sổ vào sổ cấp GCN: CH 02087 ngày 28/02/2022 mang tên ông Trần Đình H và căn nhà có diện tích 30,2 m² do ông Trần Đình H, bà Hoàng Thị Đ tạo lập, trị giá 20.764.000 đồng.

1.1. Giao phần đất có diện tích 160m², trong đó: đất ở 140m², đất trồng cây lâu năm 20m², thuộc thửa đất số: 25, tờ bản đồ số: 57; địa chỉ: thôn Tam H, xã Kỳ N, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Tam H, phường Hải N, tỉnh Hà Tĩnh) đã xây dựng nhà thờ cho những người được hưởng thừa kế của ông Trần Đình H và bà Hoàng Thị Đ nêu trên do ông Trần Đình T làm đại diện đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tứ cận cụ thể như sau: Phía Bắc giáp phần đất ông Trần Đình T quản lý sử dụng, có chiều dài 20,16; Phía Nam giáp phần đất ông Trần Đình T quản lý sử dụng, có chiều dài 20,27; Phía Tây giáp phần đất chia cho ông Trần Đình T, có chiều dài 7,88m; Phía Đông giáp đường giao thông, có chiều dài 7,92m.

1.2. Phần di sản của ông Trần Đình H và bà Hoàng Thị Đ có diện tích 1.547,7 m² đất (trong đó 1.062 m² đất ở, 485,7m² đất trồng cây lâu năm) và căn nhà có diện tích 30,2 m², có tổng giá trị di sản là 3.236.391.700 đồng, được phân chia thành 5,5 phần: Ông Trần Đình T được hưởng 1,5 phần có diện tích là 422,1m² và 5.662.909đồng, có tổng trị giá là 882.652.281 đồng; ông Trần Đình H, bà Trần Thị T, ông Trần Đình T mỗi người được hưởng 01 phần có diện tích 281,4m² và 3.775.272 đồng, có tổng trị giá là 588.434.854 đồng.

Anh Trần Đình H, anh Trần Đình K, anh Trần Đình C và cháu Trần Thị Hải H (các con của ông Trần Tinh T đã chết) được hưởng 01 phần, tương đương mỗi người được hưởng có diện tích là 70,35m², trong đó đất ở là 48,27m², đất trồng cây lâu năm là 22,08m² và 943.818 đồng, có tổng giá trị là 147.108.713 đồng.

1.3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Đình H, bà Trần Thị T, ông Trần Đình T về việc tặng cho lại toàn bộ phần di sản được hưởng cho ông Trần Đình T quản lý, sử dụng.

Tạm giao phần di sản của bị đơn anh Trần Đình H được chia giá trị bằng tiền 147.108.713 đồng (Một trăm bốn bảy triệu một trăm linh tám nghìn bảy trăm mười ba đồng) và tạm giao phần di sản của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Đình K được chia giá trị bằng tiền 147.108.713 đồng (Một trăm bốn bảy triệu một trăm linh tám nghìn bảy trăm mười ba đồng) cho nguyên đơn ông Trần Đình T quản lý để sau này họ được hưởng theo pháp luật khi có yêu cầu.

Tạm giao cho bà Lê Thị V (là người đại diện theo pháp luật) quản lý phần di sản được chia bằng tiền của anh Trần Đình C là 147.108.713 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu một trăm linh tám nghìn bảy trăm mười ba đồng) và của cháu Trần Thị Hải H là 147.108.713 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu một trăm linh tám nghìn bảy trăm mười ba đồng). Bà Lê Thị V có trách nhiệm quản lý số tiền nêu trên và bàn giao lại toàn bộ cho anh Trần Đình C, cháu Trần Thị Hải H khi từng người đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Đình T được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất và tài sản gắn liền với đất được chia cho anh Trần Đình H và anh Trần Đình K, anh Trần Đình C, cháu Trần Thị Hải H được thanh toán bằng trị giá nêu trên.

Tổng diện tích đất ông Trần Đình T được chia; được ông Trần Đình H, bà Trần Thị T, ông Trần Đình T tặng cho; được quản lý sử dụng từ việc thanh toán bằng trị giá cho anh Trần Đình H, anh Trần Đình K, anh Trần Đình C và cháu Trần Thị Hải H là: 1.547,7 m² đất (trong đó 1.062 m² đất ở và 485,7 m² đất trồng cây lâu năm), tổng giá trị di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 3.236.391.700 đồng (Ba tỷ hai trăm ba sáu triệu ba trăm chín một nghìn bảy trăm đồng). Ông Trần Đình T được toàn quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất được quản lý sử dụng.

(Có sơ đồ cụ thể kèm theo)

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Trần Đình T được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ về quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Buộc nguyên đơn ông Trần Đình T phải chịu số tiền 84.959.136 đồng án phí đối với trị giá phần tài sản được chia, được các đương sự khác tặng cho; số tiền 22.066.305 đồng tự nguyện nộp thay án phí của bị đơn anh Trần Đình H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Đình K, anh Trần Đình C. Tổng số tiền án phí nguyên đơn phải chịu là 107.025.441 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000722 ngày 28/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Số tiền án phí nguyên đơn ông Trần Đình T còn phải chịu là 106.725.441

(Một trăm linh sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm bốn một nghìn đồng).

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Trần Thị Hải H.

3. Về lệ phí, chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Trần Đình T về việc chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Nguyên đơn đã nộp đủ.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Trần Đình T về việc chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) lệ phí đăng tải thông báo nhắc tin trên VOV5 của Ban Đối ngoại Đài Tiếng nói Việt Nam, nhưng được khấu trừ vào số tiền 3.000.000 đồng lệ phí đã nộp theo phiếu thu số 29.01/2026 ngày 14/01/2026 của Ban Đối ngoại VOV5 - Đài Tiếng nói Việt Nam. Nguyên đơn đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có người đại diện theo ủy quyền có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Đình K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh
- VKSND khu vực 2 - Hà Tĩnh;
- Phòng THADS khu vực 2 - Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hoàng

